TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm X (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L T, xã L T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Lý S, sinh năm Y (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ S, xã G H, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2025 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25 tháng 11 năm 2025, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Thị H và ông Lý S đăng ký kết hôn ngày 31/12/2021 tại UBND xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã Gia Hòa, thành phố Cần Thơ). Vợ chồng sống chung thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý

kiến. Hiện nay bà H và ông S không còn sống chung với nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà H và ông S có 01 con tên Lý Trần Nhã V, sinh ngày VE/E/E hiện nay đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con tên Lý Trần Nhã V đến khi cháu V thành niên, bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Lý S:* Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Lý S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Lý S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã Gia Hòa, thành phố Cần Thơ) nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Lý S là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Bà H và ông S đã không còn sống chung với nhau, không hàn gắn được dẫn đến bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà H và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà H và ông S có 01 con chung là Lý Trần Nhã V, sinh ngày VE/E/E, hiện đang sống chung với bà H. Xét thấy hiện nay cháu Lý Trần Nhã V đang sống chung với bà H, bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con nên

nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của con chung thì cần thiết giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông S được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Lý S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Lý S.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị H được quyền trực tiếp nuôi con chung là Lý Trần Nhã V, sinh ngày VE/E/E cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Ông Lý S được quyền thăm nom con chung cháu Lý Trần Nhã V, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Lý S không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Toà án số 0006060 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Trần Thị H đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- UBND xã Gia Hòa, TP Cần Thơ;
(Theo GCNKH số 125/2021 ngày 31/12/2021);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến